

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Như**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2025
*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Đây;
2. Bà Cao Thị Bích Ngọc;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2024/TLST- HNGĐ, ngày 07/10/2024 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST – HN ngày 07/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1989 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Anh Phan Trí N, sinh năm 1987 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh N quen biết tìm hiểu nhau được vài năm, đến năm 2013 được gia đình tổ chức cưới nên vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới vợ chồng thuê đất cất nhà sinh sống gần bên gia đình chị T, thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh N đi nhậu thường xuyên, mỗi lần đi

nhậu anh N thường xuyên kiểm soát, mắng chửi, đánh chị và các con nhưng chị không báo chính quyền địa phương. Thời gian chung sống anh N cũng bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống 02 lần, cha mẹ chị động viên anh N đồng ý trở về chung sống trở lại. Đến tháng 7/2023, vợ chồng xảy ra cự cãi anh N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, cha mẹ chị T thấy anh N không chí thú làm ăn mà thường nhậu rồi đánh vợ con nên cha mẹ chị không động viên anh N trở về chung sống vì vậy vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh như có động viên chị T để vợ chồng chung sống trở lại nhưng chị T thấy anh Như K thay đổi nên chị T không đồng ý.

Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Trí N.

- Về con chung: chị T và anh N chung sống có 02 con chung tên Phan Ngọc Bảo T1, sinh ngày 21/10/2014 và Phan Trí B sinh ngày 4/11/2016. Chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay các con đang sống với chị T.

- Về tài sản chung: chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Trí N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn xử lý đơn.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Phan Trí N. Về con chung: giao cháu Phan Ngọc Bảo T1, sinh ngày 21/10/2014 và Phan Trí B sinh ngày 4/11/2016 cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly

hôn, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Phan Trí N là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N cư trú tại xã A, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phan Trí N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Phan Trí N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn do anh N thường xuyên nhậu và đánh chửi vợ con. Tháng 7 năm 2023 thì anh N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh N cũng động viên chị T để vợ chồng chung sống trở lại nhưng chị T không đồng ý, hiện nay chị T không còn tình cảm với anh N vì vậy chị xin ly hôn với anh Phan Trí N.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, hạnh Như. Trong thời gian chung sống, anh Như thường nhậu và đánh vợ con, chị T cũng cho anh cơ hội như anh N vẫn không sửa đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2023, thời gian sống ly thân anh N có động viên chị T để vợ chồng chung sống trở lại nhưng chị T không đồng ý điều đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh N trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Phan Trí N.

[2.2] Về con chung: chị T và anh N chung sống với nhau có 02 con chung tên Phan Ngọc Bảo T1, sinh ngày 21/10/2014 và Phan Trí B sinh ngày 4/11/2016. Chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh N

cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc chị T và anh N sống ly thân thì các con do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Cuộc sống của các cháu đã ổn định. Nguyên vọng của các cháu cũng muốn được sống cùng với chị T. Anh N cũng không có văn bản ý về việc yêu cầu nuôi con chung của chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các cháu nên giao các cháu Phan Ngọc Bảo T1 và Phan Trí B cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: chị T trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Phan Trí N.

2. *Về con chung:* giao cháu Phan Ngọc Bảo T1, sinh ngày 21/10/2014 và Phan Trí B sinh ngày 4/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng

sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (các con đang sống với chị T).

Anh Phan Trí N có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Chị T trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 01/10/2024 theo biên lai số 0013542 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị T phải nộp.

6. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T, bị đơn anh Phan Trí N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Hựu (Số 27 ngày ĐKKH: 5/5/2014);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Loan